

ĐI A LÝ 7

TUẦN 1

BÀI 1: DÂN SỐ

1. Dân số, nguồn lao động

- Điều tra dân số cho biết: tình hình dân số, nguồn lao động của một địa phương, độ tuổi, tổng số nam nữ, trình độ văn hóa, nghề nghiệp...

- Dân số được biểu hiện cụ thể bằng tháp tuổi.

- Tháp tuổi cho biết cụ thể: giới tính, độ tuổi, nguồn lực lao động hiện tại và tương lai.

- Mỗi tháp tuổi đều được chia thành 3 màu, mỗi màu được quy ước cho một độ tuổi nhất định. Cụ thể như sau:

+ Đáy tháp : từ 0 đến 14 tuổi

+ Thân tháp : Từ 15 đến 59 tuổi

+ Đỉnh tháp: trên 60 tuổi

2. Dân số thế giới tăng nhanh trong thế kỉ XIX và thế kỉ XX.

- Ở các thế kỉ trước, dân số thế giới tăng hết sức chậm chạp do bệnh dịch, đói kém, chiến tranh.
- Từ đầu thế kỉ XIX đến nay, dân số thế giới tăng nhanh do có những tiến bộ về kinh tế – xã hội và y tế.
- Từ những năm 50 của thế kỉ XX, bùng nổ dân số đã diễn ra ở các nước đang phát triển châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.

3. Sự bùng nổ dân số

- Sự gia tăng dân số trên thế giới không đồng đều. Cụ thể, ở các nước phát triển dân số đang giảm trong khi đó các nước đang phát triển dân số tăng và có xu hướng tăng nhanh.
- Nguyên nhân: Do cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật phát triển trong nông nghiệp, công nghiệp cũng như lĩnh vực y tế.
- Hậu quả: Tạo nên sức ép đối với việc làm, phúc lợi xã hội, môi trường, kìm hãm sự phát triển kinh tế – xã hội,...
- Biện pháp: Các nước đang phát triển cần có chính sách dân số hợp lí để khắc phục bùng nổ dân số.

Bài 2: Sự phân bố dân cư. Các chủng tộc trên thế giới

1 .Sự phân bố dân cư

- Năm 2003, dân số thế giới trên 6 tỉ người (hiện nay trên 7 tỉ người)
- Dân số thế giới phân bố không đồng đều nơi đông dân nơi thưa thớt dân.
- Nguyên nhân:
 - Những nơi điều kiện sinh sống và giao thông thuận tiện như đồng bằng, đô thị hoặc các vùng khí hậu ấm áp, mưa nắng thuận hòa nên dân cư tập trung đông đúc.
 - Các vùng núi, vùng sâu, vùng xa, giao thông khó khăn, vùng cực giá lạnh hoặc hoang mạc...khí hậu khắc nghiệt có dân cư thưa thớt.

2. Các chủng tộc

- Trên thế giới chia làm 3 chủng tộc:
 - Mon – go – lo – it (người da vàng) sống chủ yếu ở châu Á.
 - Nê – grô – it (người da đen) sống chủ yếu ở châu Phi.
 - Ô – rô – pê – ô – it (người da trắng) sống chủ yếu ở châu Âu – châu Mỹ.

TUẦN 2

Bài 3: Quần cư. Đô thị hóa

1. Quần cư nông thôn và quần cư đô thị

Có hai kiểu quần cư chính: Quần cư nông thôn và quần cư đô thị

Đặc điểm	Quần cư nông thôn	Quần cư đô thị
Khái niệm	Quần cư nông thôn: là hình thức tổ chức sinh sống dựa vào hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp hay ngư nghiệp.	Quần cư đô thị là hình thức tổ chức sinh sống dựa vào hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất công nghiệp và dịch vụ

Mật độ dân cư	Thấp	Cao
Nhà cửa	Làng mạc, thôn xóm xen kẽ với ruộng đồng, sông nước...	Phố xá, nhà cửa san sát, tập trung
Hoạt động kinh tế	Nông, lâm, ngư nghiệp	Công nghiệp và dịch vụ

- Lối sống ở nông thôn và lối sống ở đô thị có nhiều điểm khác biệt nhau.

2. Đô thị hóa. Các siêu đô thị

- Khái niệm: Đô thị hóa là biến đổi lực lượng sản xuất, bố trí dân cư, những vùng không phải đô thị thành đô thị.
- Đô thị hóa là xu thế tất yếu của thế giới ngày nay.
- Dân số đô thị trên thế giới ngày càng tăng, hiện có khoảng một nửa dân số thế giới sống trong các đô thị.
- Nhiều đô thị phát triển nhanh chóng trở thành các siêu đô thị.
- Siêu đô thị là các đô thị có 8 triệu dân trở lên.

Phiếu bài tập bài 3

Câu 1. (trang 10 sgk)

Quan sát hai ảnh 3.1, 3.2 (SGK) và dựa vào sự hiểu biết của mình, cho biết mật độ dân số, nhà cửa, đường sá ở nông thôn và thành thị có gì khác nhau?

Trả lời:

Câu 2. (trang 11 sgk): Đọc hình 3.3, cho biết: Châu lục nào có nhiều siêu đô thị từ 8 triệu dân trở lên nhất? Tên của các siêu đô thị ở châu Á có từ 8 triệu dân trở lên ?

Trả lời:

- Châu Á có nhiều siêu đô thị từ 8 triệu dân trở lên nhất.

- Tên của các siêu đô thị ở châu Á có từ 8 triệu dân trở lên: Ka-ra-si, Niu Đê-li, Côn-ca-ta, Mum-bai, Bắc Kinh, Thiên Tân, Xơ-un, Thượng Hải, Tô-ki-ô, Ô-xa-ca - Cô-bê, Ma-ni-la, Gia-cac-ta.

Câu 3 : Nêu những sự khác nhau cơ bản giữa quần cư đô thị và quần cư nông thôn

Đặc điểm	Quần cư nông thôn	Quần cư đô thị
Khái niệm quần cư nông thôn và quần cư đô thị		
Mật độ dân cư		
Nhà cửa		
Hoạt động kinh tế		

Bài 4: Thực hành: Phân tích lược đồ dân số và tháp tuổi

Câu 1: Quan sát hình 4.1, cho biết: Nơi có mật độ dân số cao nhất. Mật độ là bao nhiêu? Nơi có mật độ dân số thấp nhất .. Mật độ là bao nhiêu?

Trả lời :

- Nơi có mật độ dân số cao nhất là thị xã Thái Bình, trên 3000 người/km².
- Nơi có mật độ dân số thấp nhất là huyện Tiền Hải, dưới 1000 người/km².

Câu 2: Quan sát tháp tuổi của Thành phố Hồ Chí Minh qua các cuộc tổng điều tra dân số năm 1989 và năm 1999, cho biết sau 10 năm có gì thay đổi.

Trả lời

- Hình dáng tháp tuổi thay đổi:
 - + đáy tháp thu hẹp dần lại ở cả hai phía.
 - + thân tháp mở rộng và nâng cao ở cả hai phía.

Vậy , sau 10 năm, dân số TP. Hồ Chí Minh sẽ "già" đi

- Tỷ lệ nhóm tuổi 15 – 59 (tuổi lao động) tăng.
- Tỷ lệ nhóm tuổi 0 – 14 (dưới tuổi lao động) giảm.

Câu 3: Tìm trên lược đồ phân bố dân cư châu Á những khu vực tập trung đông dân. Các đô thị lớn ở Châu Á thường phân bố ở đâu?

- Các khu vực tập trung đông dân ở châu Á: Đông Á, Nam Á, Đông Nam Á.

- Các đô thị lớn ở Châu Á thường ở dọc ven biển hay dọc các con sông lớn.

Phiếu bài tập bài 4

1. Quan sát hình 4.1 và 4.2. Sau 10 năm (1989 - 1999):

a) Hình dáng tháp tuổi thay đổi có gì thay đổi ? (so sánh phần đỉnh , thân , chân)

b) Tỷ lệ các nhóm tuổi chưa tới tuổi lao động , đang tuổi lao động thay đổi ra sao ?

2. Tìm trên hình 4.4 (lược đồ phân bố dân cư ở châu Á)

a) Những khu vực tập trung đông dân cư ở châu Á ?

b) Các đô thị lớn ở châu Á (quy mô trên 5 triệu người) thường phân bố ở những nơi có vị trí thuận lợi như thế nào ?

TUẦN 3

Bài 5: Đới nóng - Môi trường xích đạo

I. Đới nóng.

*Vị trí:

- Nằm khoảng giữa hai chí tuyến, kéo dài liên tục từ Tây sang Đông tạo thành vành đai bao quanh Trái Đất.

- Chiếm phần lớn đất nổi trên Trái Đất.

*Khí hậu:

+Nhiệt độ cao, lượng mưa lớn gió tín phong

*SV: phong phú, đa dạng

II. Môi trường xích đạo ẩm.

1. Khí hậu

- Vị trí: Nằm trong khoảng từ 5° B – 5° N.

- Khí hậu nóng ẩm quanh năm.

2. Rừng rậm xanh quanh năm

- Rừng phát triển rậm rạp, xanh tốt quanh năm chia thành nhiều tầng lên tới độ cao 40 – 50 m.

PHIẾU HỌC TẬP

Hãy lựa chọn phương án trả lời đúng nhất.

Câu 1. Môi trường xích đạo ẩm nằm trong khoảng từ:

- a. 10°B đến 10°N.
- b. 7°B đến 7°N.
- c. 15°B đến 15°N.
- d. 5°B đến 5°N.

Câu 2. Môi trường xích đạo ẩm có khí hậu:

- a. Khô và lạnh.
- b. Nóng và ẩm theo mùa.
- c. Nóng và ẩm quanh năm.
- d. Lạnh và ẩm ướt.

Câu 3: Gió tín phong ở bán cầu Nam thổi theo hướng

- A. Đông Bắc B. Tây Bắc C. Đông Nam D. Tây Nam

Câu 4: Có bao nhiêu phần trăm số loài cây và chim, thú trên trái đất sinh sống ở rừng rậm đới nóng?

- A. 50 B. 60 C. 70 D. 80

Câu 5: Môi trường khô hạn nhất ở đới nóng là

- A. Xích đạo ẩm
- B. Nhiệt đới
- C. Nhiệt đới gió mùa
- D. Hoang mạc

Câu 6: Thảm thực vật điển hình cho môi trường xích đạo ẩm là

- A. Xa van
- B. Rừng rậm
- C. Rừng thưa
- D. Rừng cây lá rộng.

Bài 6: Môi trường nhiệt đới

1. Khí hậu.

- Môi trường nhiệt đới nằm trong khoảng từ vĩ tuyến 5° đến chí tuyến ở cả hai bán cầu.
- Khí hậu: +Nhiệt độ cao nóng. Càng gần chí tuyến biên độ nhiệt càng lớn. +Lượng mưa tập trung theo mùa, giảm dần về phía hai chí tuyến. Có một mùa mưa và một mùa khô rõ rệt

2. Các đặc điểm của môi trường.

- a. Thiên nhiên thay đổi theo mùa (một mùa khô và một mùa mưa)
 - +Mùa mưa: Mực nước sông dâng cao. Đất bị xói mòn, rửa trôi ở miền núi, ngập úng ở đồng bằng. Cây cỏ tươi tốt.
 - +Mùa khô(ngược lại)
- b. Thực vật thay đổi theo mùa và thay đổi về phía hai chí tuyến, rừng thưa đến sa van đến nửa hoang mạc.

Câu 1: Đặc điểm nào sau đây không đúng với thiên nhiên của môi trường nhiệt đới?

- A. Thay đổi theo mùa
- B. Mùa mưa cây cỏ xanh tốt, mùa khô hạn cây cỏ úa vàng
- C. Nhóm đất chủ yếu là đất feralit có màu đỏ vàng

D. Thực vật quanh năm xanh tốt, rậm rạp

Câu 2: Hai đặc điểm tiêu biểu của sinh vật môi trường nhiệt đới là

- A. Thừa thốt và giảm dần về hai chí tuyến
- B. Thay đổi theo mùa và giảm dần về hai chí tuyến
- C. Thay đổi theo mùa và tăng dần về hai chí tuyến
- D. Sinh trưởng nhanh và tăng dần về hai chí tuyến.

Câu 3: Nhiệt độ trung bình năm ở vùng nhiệt đới là

- A. 20°C B. 23oC C. 18oC D. 25oC

Câu 4: Lượng mưa trung bình năm của vùng nhiệt đới là

- A. 500mm - 1500mm
- B. 1000mm - 1500mm
- C. 1500mm - 2000mm
- D. 2000mm 2500mm

Câu 5: Ở vùng nhiệt đới, trong năm có một thời kì khô hạn kéo dài từ

- A. 3 đến 6 tháng
- B. 3 đến 7 tháng
- C. 3 đến 8 tháng
- D. 3 đến 9 tháng

Câu 6: Biện pháp bảo vệ đất ở môi trường nhiệt đới khỏi bị xói mòn, rửa trôi

- A. Canh tác hợp lí
- B. Trồng cây che phủ đất
- C. Cả A, B đều đúng
- D. Cả A, B đều sai

Câu 7: Ở môi trường nhiệt đới, càng gần đến chí tuyến thì thời kì khô hạn càng

- A. Kéo dài, biên độ nhiệt càng lớn
- B. Kéo dài, biên độ nhiệt càng nhỏ
- C. Rút ngắn, biên độ nhiệt càng lớn
- D. Rút ngắn, biên độ nhiệt càng nhỏ

Câu 8: Môi trường nhiệt đới phân bố rõ ở vùng nào?

- A. Châu phi, châu Mỹ, lục địa Ôxtraylia
- B. Châu Phi, châu Mĩ, châu Âu
- C. Châu Phi, châu mĩ, châu Á.
- D. Châu Á, châu Âu, châu Đại Dương

Câu 9: Nhiệt độ trung bình quanh năm là

- A. Dưới 20°C
- B. Trên 20°C
- C. 20°C
- D. Tất cả đều sai

Câu 10: Ý nào sau đây đúng?

- A. Càng gần chí tuyến, thời kì khô hạn càng kéo dài, biên độ nhiệt càng nhỏ
- B. Thực vật thay đổi theo mùa
- C. Càng gần chí tuyến, thời kì khô hạn kéo dài, biên độ nhiệt càng lớn
- D. Là vùng có khả năng tập trung thưa dân cư

TUẦN 4

Bài 7: Môi trường nhiệt đới gió mùa(2 tiết)

1. Khí hậu

- Nam Á và Đông Nam Á là hai khu vực điển hình cho khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- Đặc điểm Khí hậu nhiệt đới gió mùa có hai đặc điểm nổi bật là nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo mùa gió và thời tiết diễn biến thất thường.
- Nhiệt độ TB cao trên 20oC, biên độ nhiệt năm dao động khoảng 8oC.
- Lượng mưa tuy nhiều nhưng không đều giữa các năm, có năm mưa đến sớm có năm mưa đến muộn.
- Mùa hạ nóng mưa nhiều => Cây xanh tốt, nhiều tầng
- Mùa đông lạnh và khô => Lá vàng úa, rụng lá.

2. Các đặc điểm khác của môi trường

- Môi trường nhiệt đới gió mùa là kiểu môi trường đa dạng và phong phú .
- Gió mùa ảnh hưởng lớn tới cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống của con người
- Nam Á và Đông Nam Á là các khu vực thích hợp cho việc trồng cây lương thực (đặc biệt là cây lúa nước) và cây công nghiệp ; đây là những nơi sớm tập trung đông dân trên thế giới .
- Phiếu bài tập bài 7
- **Bài 1:** Dựa vào biểu đồ trang 24 và nội dung SGK, em hãy điền tiếp nội dung thích hợp vào bảng sau để thấy rõ đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa.

- **Trả lời:**

Khí hậu	Nhiệt độ trung bình năm (0C)	Lượng mưa trung bình năm (mm)	Thời kì khô hạn trong năm	Thời tiết, khí hậu
Nhiệt đới gió mùa				.

Bài 2: dựa vào sgk hãy cho biết : Nhịp điệu mùa đã ảnh hưởng như thế nào tới thiên nhiên của môi trường nhiệt đới gió mùa?

Trả lời: